

# ĐẠI-HỌC GIẢNG NGHĨA

(Trích- lục)



## MỤC-LỤC

- I- LỜI NÓI ĐẦU.
- II- ĐẠO ĐẠI-HỌC
- III- MINH-ĐỨC TÂN DÂN
- IV- CÔNG-PHU THIỆT HÀNH
- V- KẾT LUẬN.

# ĐẠI-HỌC GIẢNG NGHĨA

(Trích- lục)



## I. LỜI NÓI ĐẦU.



Theo lời của thầy Trình-Tử, Đại-Học là bộ sách của họ Khổng còn truyền lại, tỉ như cái cửa mới bước vào cõi đạo-đức.

Người muốn học đạo Nho, trước phải học sách này như sách vỡ lòng, rồi sau phải học đến sách Trung-Dụng. Hai bộ sách này làm tường trong, lớp ngoài cho nhau, nghĩa bổ cứu lẫn nhau, cũng đồng chỉ cho học-giả vào cõi tốt-lành.

Xưa kia, bộ sách này có nghĩa chánh-trị, mà cũng là sách dạy người tu thân xử thế, chủ về phần đạo-đức ở đời, tức là luân-lý học. Đây tôi chỉ nói sơ về phần chánh-trị mà thôi, nên các lời giải sau này chỉ chú trọng về phần đạo đức.

Trước khi nói về nghĩa của sách Đại-Học, tôi xin giải cho biết nghĩa cái đạo Đại-Học.



## II. ĐẠO ĐẠI-HỌC



Chữ **đạo** nghĩa là phương pháp, cách thức. Chữ **đại** là đại-nhơn, người lớn. **Học** là học hỏi. Đạo Đại-Học là phương pháp truyền dạy cho người lớn học.

Người lớn là người thế nào? Có nhiều nghĩa.

Ông Châu-Hi chú-thích bộ sách Đại-Học có nói rằng: "Con người sanh ra lên tám tuổi thì trên từ con em của vua quan, dưới đến con em của thứ-dân, đều vào trường tiểu học. Trường này dạy chúng nó biết cách rưới quét, thưa trình, lui tới, cho biết chào hỏi (lễ), đánh đờn (nhạc), bắn tên (xạ), đánh xe (ngự), biết viết (thơ), biết đếm (số). Đến 15 tuổi, từ con vua, con cả của các quan công-khanh, đại phu, cho đến những trang tuấn tú trong dân gian, đều phải vào trường đại-học, để học xét đoán mỗi việc, làm ngay lòng mình, sửa mình, trị người.

Theo lời nói trên, con trẻ đặng tám tuổi phải vào trường tiểu học. Đây chỉ mở trí theo bậc thấp, cho biết những phận sự cần yếu của một tên dân lành. Trẻ con lên 15 tuổi, phải vào trường đại-học. Trường này có phần cao thượng hơn, dạy cho người biết suy xét mỗi việc cho tốt lý, chẳng những để sửa mình theo lễ chánh, mà còn phải dìu dắt kẻ khác cũng theo lễ chánh như mình vậy. Mục-đích của trường đại-học là tạo ra hạng thượng-lưu trí-thức trong nước.

Người lớn kẻ nhỏ phân biệt nhau chẳng phải tuổi tác mà thôi, cũng phân biệt nhau theo giai-cấp xã-hội. Như trên đã nói, con vua, con cả của các quan và những trang tuấn tú mới được sắp vào bậc người lớn.

Đây là chỉ cách người xưa thâu nhận trẻ con nhập học trong các trường chánh-thức bên Tàu.



Nghĩa đó ta chỉ nên biết sơ qua. Ta cần phải biết rõ cái nghĩa "người lớn" thuộc về mặt đạo-đức.

Người lớn (tiếng chữ là đại-nhơn) là người coi trời đất muôn vật đồng một thể, nghĩa là coi thiên-hạ như một nhà, coi cả nước như một người vậy. Đó là không phải tự ý riêng của mình muốn, chánh là cái lòng "nhân" của người ta vốn có như thế.

Cái tâm cùng với trời đất muôn vật làm một, không phải chỉ người lớn (đại-nhơn) mới có cái tâm đó, mà kẻ nhỏ (tiểu-nhơn) cũng đều có như thế cả. Nhưng kẻ tiểu-nhơn không biết sửa trau cái tâm ấy, để cho nó lu mờ.

Mỗi khi ai thấy trẻ con chơi gần miệng giếng thì ai ai cũng bần-khoăn thương xót, sợ nó té xuống giếng. Thế thì đủ chứng lòng "nhân" của mỗi người đối với trẻ con chỉ có một thể mà thôi.

Đứa trẻ con còn là đồng loại với ta, chớ như chim muôn, cây cỏ, khí cụ là loài khác nhau, mà khi các loài này bị giết chết hay là hủy hoại một cách vô cớ, ta cũng đều có lòng thương tiếc cả. Có phải cái lòng ta gốc ở tánh Trời phú, tự-nhiên rộng rãi, sáng suốt chẳng? Sự học của người lớn cốt yếu ở chỗ trau sửa cái lòng nói đó.

Vậy hai hạng người: người lớn và kẻ nhỏ chẳng những phân biệt theo tuổi tác và giai cấp xã-hội, lại còn phân biệt theo phẩm-cách cá-nhơn của mỗi người nữa là: giữ lòng "nhân" cùng không giữ lòng "nhân"



### **III. MINH-ĐỨC TÂN DÂN**



Bây giờ tôi xin nói ngay vào chỗ yếu-lý của đạo Đại-Học là tại “minh-đức” và “tân dân”, lại nên phân biệt ra có gốc có ngọn.

#### **1. Nói về ba cương-lãnh.**

Câu đầu của sách Đại-học dẫn lời của Đức Khổng-Tử nói rằng: Đại-Học chi đạo tại:

Minh minh-đức,  
Tân-dân,  
Chỉ ư chí-thiện.

Nghĩa là: Cái đạo của người lớn học là làm cho sáng cái đức-sáng của mình, là làm cho dân ra mới mẽ, là nhứt định xu-hướng về chỗ tột-lành.

Tôi xin giải rộng thêm nghĩa cho dễ hiểu.



### **Minh minh-đức.**

– Chữ minh trước là làm cho sáng, tức là động từ (verbe). Còn minh-đức là tiếng đôi có nghĩa là cái đức sáng, của mình, tức là danh từ (nom).

Cái đức-sáng của mình là cái chi? Ấy là cái lòng “nhân” nói trước kia, mà chẳng một người nào không có nó. Cái đức-sáng này là phần do Trời ban phú (theo tiếng thường gọi là lương tâm), vô hình mà linh-thông, chẳng bao giờ ám-muội, là bởi nó gồm đủ hết các lý để ứng đối với muôn việc.

Nhưng vì nó hay bị tánh khí-chất câu thúc, bị lòng dục-vọng màng-che, nên có lúc lại bị mờ-ám. Nói mờ-ám là chỉ bề ngoài, chớ sự sáng suốt trong bốn-thể của nó vẫn y nguyên như thế mãi. Cho nên kẻ học đạo phải thừa lúc nó phát hiện, hé chút ít tia sáng, mà làm cho sáng tuốt ra hết, để hườn lại cái tánh-đức sáng-suốt của nó vẫn có trước kia.

– Có kẻ hỏi: Nếu nói đức-sáng của người nào cũng sáng suốt, thì sao lại có người trí kẻ ngu, người hiền kẻ dữ?

– Trả lời: Sự phân biệt này do bởi tánh khí-chất câu thúc, lòng dục-vọng màng-che. Tỉ như mặt nhật trên trời bị mây che, nhiều ít, mà thành ra dưới đất có chỗ sáng, tối bất đồng vậy.

– Hỏi: Vậy thì con người không cần chi phải học, chỉ lo dẹp tánh khí-chất, lòng dục-vọng thì được thông suốt mọi lẽ hay sao?

– Trả lời: Học là để tìm phương trừ khí-chất, dẹp dục-vọng. Người học chưa thấu đáo thì không trừ hết khí-chất, và dục-vọng được. Nếu trừ được một phần khí chất và dục-vọng, thì sự sáng suốt trong tâm ta phát hiện ra một phần, trừ được cái này hai phần thì cái kia phát hiện ra hai phần.

Ta như lúc tâm ta phát hiện ra một ít, mà làm cho nó phát hiện ra hoàn toàn. Chẳng khác nào phá tan cho hết vừng mây che lấp mặt trời, thì sự sáng suốt của mặt trời sẽ trở lại hoàn toàn như trước. Đó gọi là “Minh minh-đức”, nghĩa là làm cho sáng cái đức-sáng của mình vậy, tức là phục hườn cái bốn-tánh thường-minh.



### **Tân-dân**

Thiệt chữ là thân dân. Nhưng thầy Trình-Tử nói rằng: Phải hiểu chữ “thân” như chữ “tân” mới đúng.

Tân là bỏ hết cái củ, cái dơ cho ra mới, ra sạch. Dân là người dân, mọi người. Tân dân nghĩa là làm cho mọi người đổi cái củ, cái dơ cho ra cái mới mẽ, sạch sẽ. Nói một cách là: Cái ác tùng thiện, gìn lòng đạo-đức.

Ý nói: Làm cho sáng cái đức-sáng của mình rồi, lại nên suy rộng đến kẻ khác, khiến cho kẻ khác cũng bỏ được cái đơ-bẩn củ-kỹ đã nhiễm vào đức-sáng của họ, chom cái đức-sáng này trở lại sáng-suốt như xưa.

Muốn làm cho người mới mẽ, ta phải làm hai việc sau này: cấm hóa và nói rộng.

Tự mình làm cho sáng cái đức-sáng của mình để treo một cái gương lành cho người khác bắt chước, thì người khác được cấm mà tự phát cái cơ làm mới. Cơ là cái ý nhỏ-nhẹ mới máy động trong lòng người. Lại như người tự phát cái cơ làm mới mà khuyên đổ, giục thúc chấn khởi tinh-thần của họ, khiến cho người ta ngày ngày càng nói rộng thêm chỗ mới mẽ đó.



### ***Chi ư chí-thiện***

Muốn "minh-đức", lại phải "chí ư chí-thiện". Chữ chí nghĩa là ở yên một chỗ, mà không dời đổi. Chí-thiện nghĩa là tốt lành, cái lành tốt bụng, không có chi hơn nữa.

Chí ư chí-thiện có nghĩa là tâm chí của mình nhứt định xu-hướng vào cõi tốt lành, lấy cái tốt lành làm mục đích cho mỗi hành động của mình, chẳng hề rời ra, kỳ cho đạt tới cái mục-đích đó mới thôi.

Cõi tốt lành là cái chí? Tức là lẽ đương-nhiên (lẽ phải), là thiên-lý (lẽ Trời) lên tới cực-điểm, rất công mà không tư. Nói theo triết-học bây giờ, cõi tốt-lành là mục-đích cuối cùng, là lý tưởng cao siêu hơn hết trong phép tu thiện (idéal du bien).

Thầy Tăng-Tử có dẫn câu Kinh Thi sau này:

*Mục mục Văn-vương,  
Ô! Tập hi kính chí.*

Nghĩa là: Thăm thăm vua Văn (*chỉ cái đáng đạo-đức sâu xa dày chặt*)  
Ôi! Nối sáng kính chí (*là nhờ làm sáng cho mình, cho người hoải, thành kính chăm-chỉ vào mục-đích tốt-lành*).

Để giải thêm rằng: làm vua người thì chăm vào ở chỗ **nhân**, làm tôi thì người chăm vào ở chỗ **kính**, làm con của người thì chăm vào ở chỗ **hiếu**, làm cha của người thì chăm vào ở chỗ **tử**, cùng gười trong nước giao tiếp với nhau thì chăm vào chỗ **tín**. Đây nói chỗ vua Văn chăm-chỉ vào không gì là chẳng phải tốt-lành.

Năm điều kể trên là chỉ những việc lớn. Kẻ học cứ đó mà xét cho đến chỗ tinh-vi, rồi suy loại về những việc nhỏ khác, thì sẽ biết được cõi tốt-lành theo mỗi địa-vị, không còn ngờ vực chi nữa.

Tôi mới vừa giải ba cương-lãnh lớn, nghĩa là ba cái giếng mỗi chánh của đạo Đại-Học. Ba cương lãnh này cùng đi với nhau luôn, nghĩa là: muốn thành tựu đạo Đại-Học, thì phải gồm đủ cả ba giếng mỗi đó.



## **2. Nói về thứ tự gốc ngọn (đâu cuôi)**

Muốn làm hai việc là: làm cho sáng cái đức-sáng của mình và làm cho người ra mới-mẻ, thì phải nhứt định xu-hướng về cõi tốt-lành luôn luôn. Cõi tốt-lành là chỗ

căn-cứ, là nền-tảng của hai việc làm trước. Cho nên cõi tốt-lành tuy đây nói sau rồi, mà ta phải biết nó trước, rồi sau mới đạt tới chỗ đó được.

Sau khi chỉ ba cương-lãnh của đạo Đại-Học, đức Khổng-Tử liền dạy rằng: “*Tri chỉ nhi hậu hữu định, định nhi hậu năng tịnh, tịnh nhi hậu năng an, an nhi hậu năng lự, lự nhi hậu năng đắc*”. Nghĩa là: Biết chỗ căn-cứ là chỗ tốt-lành rồi, lối xu-hướng đã nhứt định thì trong lòng mới đặng yên (không còn rối loạn); trong lòng yên rồi hết rối loạn thì đầu óc mới có thể suy nghĩ (xét mỗi việc tinh tường); đầu óc đã suy nghĩ rồi làm theo đó mới có thể đạt mục-đích (đạt tới chỗ tốt-lành).

Rồi Ngài lại nói rằng: “*Vật hữu bản ngọn, sự hữu chung thì; tri kỳ tiên hậu, tắc cận đạo hĩ*”. Nghĩa là: Vật có gốc ngọn, việc có đầu cuối; biết đầu trước sau, là gần đạo rồi.

“Vật” có gốc ngọn là nói về làm sáng cái đức-sáng của mình và làm cho người ra mới mẻ. Làm sáng cái đức-sáng của mình là gốc, làm cho người ra mới mẻ là ngọn. Gốc ngọn tuy khác, mà vẫn thuộc về một lẽ (tỉ như nhiều cành là dính vào một thân cây), nên chẳng khá chia ra làm hai vật. Nếu chia ra làm hai vật, thì chỗ hiểu biết sẽ rời rạc, còn công phu khó đi đến kết quả mỹ-mãn.

“Việc” có đầu cuối là nói: Nhứt định xu-hướng về cõi tốt-lành, mà biết xu-hướng về cõi tốt-lành là đầu, đạt tới cõi tốt-lành là cuối. Đầu là việc phải làm trước, cuối là việc phải làm sau. Muốn đạt tới cõi tốt-lành thì phải biết chỗ nào đầu, chỗ nào cuối, rồi bắt từ đầu nhắm thẳng tới cuối mà đi, thì mới mong khỏi lạc lối.

Nếu biết gốc ngọn, đầu cuối, biết đầu trước đầu sau, không sai thứ tự, thì đã gần đạo rồi, nghĩa là: sắp đạt mục-đích của đạo.



## IV. CÔNG-PHU THIỆT HÀNH



### 1. Nói về tám điều-mục

Muốn “Minh minh-đức” và “Tân-dân”, sách Đại-Học, theo lời Đức Khổng-Tử dạy, có ghi tám điều-mục làm công-phu thiệthành như sau này:

- *Cách-vật,*
- *Trí-tri,*
- *Thành-ý,*
- *Chánh-tâm,*
- *Tu-thân,*
- *Tề-gia,*
- *Trị-quốc,*
- *Bình thiên-hạ.*

Năm điều trước cốt để làm cho sáng cái đức-sáng của mình (phần riêng cá nhân), còn ba điều sau cốt để làm cho kẻ khác ra mới mẻ (phần chung xã-hội).



#### **a.- Năm điều-mục chủ về Minh minh-đức**

✚ **Cách-vật.** – *Cách* nghĩa là suốt tới tột chỗ (cực chí). *Vật* chẳng phải vật hữu hình mà thôi, cũng có nghĩa tựa như chữ sự (là việc). Mỗi vật, mỗi việc có cái lý riêng của nó, ta phải tìm xét cho tột cái lý này, gọi là cách-vật.



✚ **Trí-tri.** – *Trí* nghĩa là làm cho phát triển, mở rộng. *Tri* là tri-thức, sự hiểu biết. Trí tri là mở rộng tri-thức lần lần, thêm sự hiểu biết mãi mãi cho đến kỳ cùng.

Mỗi người đều có tâm-linh, chẳng một ai mà không có sự hiểu biết. Nếu cứ xét cái lý của sự vật nói trên kia cho đến nước rốt ráo, thì sự hiểu biết của con người sẽ đặng hoàn toàn.

Bởi vậy, Đại-Học bắt đầu dạy. tất khiến kẻ học xét ngay mọi việc trong thiên-hạ, chẳng có gì không nhân cái lẽ của mình được biết, mà suy rộng đến kỳ cùng, để mong suốt tới chỗ cực-điểm của sự hiểu biết đó. Nhờ gắng sức làm như thế lâu ngày, một mai ta được thông hiểu sáng suốt, thì nào bên trong, nào bên ngoài, nào phần tinh, nào phần thô của mọi vật, không có gì là ta chẳng xét đủ đều. Toàn thể hay là **trại**-dụng của cái tâm, ta không có gì là chẳng thông suốt. Đó gọi là cách-vật trí tri.

Dẫn lên là ý của Châu-Tử bảo cách-vật trí-tri là phải do công phu học –vấn, để hiệp với tri-thức, ngỏ đặng biết đến tận cùng nguồn cội.

Lục-Tượng-Sơn lại giải khác, bảo rằng cùng lý cách-vật không phải là việc làm ở ngoài để giúp thêm cho mình. Ấy là: theo ý của mình đã sẵn có, mà phát huy điều thiện ở trong tâm mình. Phát huy điều thiện ở trong tâm mình, tức là trừ bỏ những lòng vật-dục, tánh khí-chất.

Vương-Dương-Minh lại nói thêm cho rõ cái thuyết của Tượng-Sơn rằng: Trí-tri, không phải như thuyết hậu-nho bảo, là mở rộng cái tri-thức của mình. Trí-tri là mở cái lương-tri của mình cho cùng tột, cho thiệt sáng tỏ, . Thành thử chủ tri là cái lương-tri vốn sáng biết tự tiên-thiên, trí-tri là mở cho cùng tột cái lương-tri đó. Ông lại nói rằng: Vật là sự vật. Như ý nghĩ về thờ cha mẹ, thì thờ cha mẹ là một sự vật (một việc). Cách nghĩa là làm cho trở nên chánh, sửa cái điều bất chánh để cho nó trở thành chánh, tức là bỏ điều ác. Cách vật tức là bỏ dử theo lành, mọi việc làm đều đặng chơn-chánh.

Sáu điều-mục từ “thành-ý” trở xuống thì trong bản văn Tàu giải nghĩa rõ ràng. Còn hai điều “cách-vật”, “trí-tri” thì lại không có giải thích, dường như có chỗ thiếu sót.

Cho nên chỗ hiểu của hai Ông họ Châu và họ Vương có khác nhau. Nhưng tùy theo phương-diện, nghĩa là bên nào cũng có phần chánh đáng cả: bên này thiên về đạo vấn-học (noi học hỏi), bên kia chủ về tôn đức-tánh (trọng tánh-đức). Nếu hiệp lại thì hai nghĩa có thể bổ cứu lẫn nhau.



✚ **Thành-ý.-** nghĩa là giữ ý mình cho chơn thiệt. Giữ ý mình cho chơn thiệt là mình đừng tự dối gạt lấy mình. Tỉ như “ghét mùi hôi”, như “yêu sắc đẹp”. Con người vừa nghe mùi hôi phất qua mũi thì đã ghét ngay, thấy sắc đẹp trước mắt thì đã yêu ngay.

Ý nói: Biết thì làm ngay, chẳng nên dự-dự, sụt-sè. Nếu ta biết là điều ác, thì phải cố gắng bỏ ngay. Nếu ta biết là điều thiện thì phải hết lòng làm ngay. Làm thế nào cho đặng thiệt thỏa mãn lòng lành của mình, chẳng nên vì người khác mà làm



việc cầu thả bề ngoài. Mình thiệt hay không thiệt, điều này người khác đâu biết đến được. Chỉ có một mình mình tự biết mà thôi. Cho nên cần phải cẩn-thận giữ gìn chỗ mình tự biết đó, và xét cho rõ cái cơ động trong lòng mình.

Kẻ tiểu-nhơn ở không-**nhưng**, chẳng có điều bất thiện nào mà chẳng dám làm ! Đến khi thấy người quân-tử thì lại tìm cách giấu che điều bất thiện, để phô bày điều thiện của mình ra. Thế thì họ chẳng phải thiệt không biết điều thiện nên làm, điều ác nên bỏ. Nhưng họ dấu che điều ác của họ làm, đâu dè người ta trông vào mình, như đã thấy tận cả ruột gan!

Đây là chỗ gọi điều gì thiệt có ở trong thì tất phải lộ ra ngoài. Người quân-tử biết vậy, cho nên dè-dặt chỗ một mình mình biết, e sợ cũng như chỗ "mười mắt trông vào, mười tay trở vào" đó vậy.

Lời giải trên đây, tuy là nói về khoản thành-ý, mà cái cốt-yếu chánh-tâm và tu-thân thiệt có đủ ở trong đó rồi. Cho nên sau này, về khoản chánh-tâm, tu-thân, sách Đại-Học chỉ kể những bịnh lòng không ngay, thân mình không sửa, mà không cần nói cách chữa bịnh ra làm sao, cho rằng đã có ở khoản này rồi vậy.



✚ **Chánh-tâm.** – nghĩa là làm cho ngay lòng.

Làm cho ngay lòng thì phải trừ tuyệt hai thứ bịnh: Bịnh hữu-tâm (vó lòng chênh-lệch) và bịnh vô-tâm (lòng không tự-chủ).

Con người không tài nào mà chẳng có mừng, giận, lo sợ trong lòng. Song đáng giận thì giận, giận qua rồi thì thôi; đáng mừng thì mừng, mừng hết thì thôi. Mừng, giận, lo, sợ, tự ở vật ngoài đến mà không lưu-trệ ở lòng ta. Ta dẫu ngày ngày ứng tiếp với sự vật, mà chẳng tự ta đuổi theo sự vật, nghĩa là để cho sự vật chi phối lòng mình.

Vì bằng mừng, giận, lo, sợ lưu-trệ ở trong bụng mình mà chẳng tiêu hóa được, thì đã có một vật đặt sẵn trước ở trong bụng. Đến khi ứng tiếp với sự vật gì, tự nhiên chỗ xét đoán của ta phải thiên, mà chẳng hợp với lẽ phải, vì cái vào trước đã làm chủ nơi trong lòng rồi. Lòng ta đã chực sẵn mừng, giận, lo, sợ, thì làm sao chẳng đem lòng ngờ mà xem xét vật ngoài, rồi cái đáng yêu cho là cái đáng ghét; lấy lòng riêng mà đuổi theo vật ngoài, rồi cái đáng lo đổi ra cái đáng mừng. Bởi có mà nói: lòng không đặng ngay thẳng.

Bịnh vô-tâm có ba loại: Ngó mà chẳng thấy, lóng mà chẳng nghe, ăn mà chẳng biết mùi vị, thì lòng đã đi khỏi rồi.

Phải biết cái lòng là chủ-tể của cái thân, cái thân là tôi tớ của cái lòng. Nếu lòng đã đi khỏi, thì ai kiểm điểm, điều khiển cái thân này. Cho nên dẫu ngó cũng như không ngó, dẫu nghe cũng như không nghe, dẫu ăn cũng như không ăn vậy. Xem đó thì nếu muốn sửa mình, có nên đem cái lòng đã ra ngoài về, mà khiến cho nó thường ở trong thân mình ta chẳng ?

Trước nói lòng có chênh-lệch mà chủ về một việc chi thái quá, sau lại nói lòng không thường ở trong mà làm chủ lấy thân mình, đều là trái với phép làm ngay lòng mình cả. Vậy thì đừng chứa trong lòng sự giận, mừng, lo, sợ nào lâu, mà tâm lại còn phải thường trông nom, sắt đặt, cũng như ở trong chỗ trống không, mà có chủ-tể vậy. Ấy có phải là phương pháp làm cho ngay lòng chẳng ?



✚ **Tu-thân.** – nghĩa là sửa mình. Muốn sửa mình, sách Đại-Học dạy: Đừng có chệnh-lệch khi đối với người mình thân yêu, với người mình giận ghét, với người mình kính sợ, với người mình thương xót, với người mình khinh để.

Vả chẳng mừng, giận, thương, vui, yêu, ghét, muốn là bảy món tình cùng sanh một lượt với ta và vốn có từ lúc ta mới sanh. Vậy thì thân yêu, giận ghét, kính sợ, thương xót, khinh để đều là tình người ta không ai khỏi được. Nếu đem ra mà dùng cho phải lẽ thì cũng không hại gì. Chỉ tại quá chệnh-lệch mà thành ra thiên mỗi, mà không sao khỏi được cái thiên đó. Bởi cố, khi ăn khi nói, tự xét lại mình thì hổ thẹn lắm vậy !

Cho nên tình thân yêu là người ta không thể không có, nhưng tự mình chệnh-lệch về thân yêu mà sanh lòng nhu nhược. Tình khinh ghét là người ta không thể không có, nhưng tự mình chệnh-lệch về giận ghét, mà sanh lòng hung dữ. Như thế bảo ta là chẳng tự sửa mình thì có phải nói oan ức đâu ?

Phàm tình của người ta đã bị cái chệnh-lệch che khuất, nên trong lòng yêu ai, chỉ thấy cái tốt mà không biết cái xấu của người đó ; trong lòng ghét ai, chỉ thấy cái xấu mà không biết cái tốt của người đó. Yêu mà biết cái dở, ghét mà biết cái hay, trong thiên hạ hiếm có người như thế !

Cho nên có câu tục ngữ rằng : "Người ta chẳng ai biết con mình ác, chẳng ai biết lúa mình tốt" , để chỉ rõ tình chệnh-lệch có hại về phép tu thân, là vì người quá yêu nên không thấy rõ, kẻ quá tham nên không biết nhàm.



### **b.- Ba điều-mục chủ về Tân-dân**

Ba điều này là: Tề gia, trí quốc, bình thiên hạ.

Tề gia nghĩa là: trị nhà, xếp đặt cho có trật tự trong nhà, ngỗ hầu cha ra cha, con ra con, chồng ra chồng, vợ ra vợ, v.v...

Trị quốc nghĩa là: Trị nước, chấn dân.

Bình thiên hạ nghĩa là: Định yên khắp cả thiên hạ.

Sách Đại-Học không giải riêng ba điều này, vì cả ba dính liểu với nhau rất mật thiết. Tuy biết trong sách có phân ra chương cú, nhưng điều trước làm nguyên nhân cho điều sau nữa, thành thử không để hẳn riêng ra từng điều được.



✚ **Tề-gia, trị quốc.-** Sao lại gọi: Muốn trị nước thì trước phải trị nhà mình ? Là vì trong nhà dạy chưa kham, mà dạy được người khác ở ngoài, thì chưa từng thấy có lý đó bao giờ.

Người quân tử chẳng ra khỏi nhà mà đã biết phép trị nước. Là người thờ cha, kính mẹ trong nhà, đã giữ được chữ hiếu, thì khi ra trị nước cũng lấy chữ hiếu đó mà ở với vua. Người thương anh mến chị trong nhà đã giữ được chữ đễ, thì khi ra trị nước cũng lấy chữ đễ đó mà ở với bề trên. Người chỉ biểu con em tôi tớ trong nhà mà giữ được chữ từ, thì khi ra trị nước cũng lấy chữ từ đó mà ở với kẻ dưới chớ không chi khác lạ. Thế thì ba chữ: hiếu, đễ, từ, để sửa mình, mà ba điều đó cũng có thể kuôn dùng vào việc trị nhà, trị nước nữa.

Sách có câu: Một nhà làm nhân, cả nước đua nhau làm nhân; một nhà giữ phép, cả nước đua nhau giữ phép; một nhà tham lam ngang ngược, một nước dấy

loạn. Cái cơ của nó là thế. Lại nói: Trong đám cha con, anh em đủ coi nhau mà bắt chước nhau, rồi dân lấy đó làm gương, nghĩa là: tự nhà mình trị mà có thể làm gương cho người dân trong nước. Đủ thấy việc làm trong nhà có ảnh hưởng lớn trong nước.

Muốn trị nhà, trị nước là phải suy ta ra người. Như vua Nghiêu, vua Thuần lấy nhân đức trị dân, tñ dân nghe theo sự nhân đức; vua Kiệt, vua Trụ lấy tàn bạo trị dân, thì dân cũng nghe theo sự tàn bạo. Còn cái lịnh của mình ra trái với sở thích của mình, thì dân chẳng vâng theo bao giờ.

Thế cho nên người quân tử có điều nào ở mình, rồi mới muốn kẻ khác cùng có; không có điều nào ở nơi mình, rồi mới chê bai điều ấy ở nơi người. Chẳng đem chỗ ta có hay là không có mà suy rộng ra người, thì chẳng hề bảo ai vâng theo mình được.



🚩 **Trị-quốc, bình thiên hạ.** – Muốn định yên thiên hạ thì trước phải trị nước mình.

Theo sách Đại-Học, người quân tử có cái đạo hiệt-cũ. Hiệt nghĩa là đo, củ nghĩa là thước. Vì lòng người ai cũng như ai, cho nên người quân tử phải nhân chỗ giống nhau đó, lấy lòng mình làm thước để đo lòng người, khiến cho giữa người với ta, ai cũng được yên phận. Rồi trên dưới, bốn bên, nhưt thiết đều đặn vuông tròn thì thiên hạ đặn yên ổn vậy.

Nguyên tắc của đạo hiệt-củ ở trong câu sách sau này:

Cái điều mình ghét ở trên (vô lễ) thì đừng đem cái đó mà khiến kẻ dưới. Cái điều mình ghét ở dưới (bất trung) thì đừng đem cái đó mà thờ kẻ trên. Trước, sau, tả, hữu, đều phải làm như thế cả. Ý nói: Cái chi mình không muốn, thì đừng làm cho kẻ khác. Đây là chỉ cái lòng hiệt-củ.

Cái điều dân yêu thì yêu, cái điều dân ghét thì ghét. Thế bảo rằng: Dân coi như cha mẹ. Vì lấy lòng dân làm lòng mình, là yêu dân như con, cho nên dân cũng yêu mình như cha mẹ là phải. Đoạn này chỉ cái lẽ phải nên hiệt-củ.

Đức là gốc, của là ngọn. Ngoài gốc trong ngọn (lấy đức làm ngoài, lấy của làm trong) là giành giật với dân, day dân trộm cướp. Thế cho nên của hiệp thì dân tan, của tan thì dân hiệp. Còn lời nói thốt ra không phải, thì mình cũng rước lại lời không phải. (Như vua Kiệt tự bảo mình “như mặt trời ở trên trời” thì dân ở dưới cũng bảo lại rằng: “Mặt trời kia bao giờ mất”). Của thâu vào bất nghĩa thì lúc nó ra cũng bất nghĩa. Như người nhà Tần tính từ đầu người mà lấy thuế thóc, mà rồi kho tàng sau về nhà Hán. Xem lời nói ra vào thế nào, thì biết được của ra vào cũng y thế đó vậy.

Hiệt-củ tức là cùng dân yêu ghét, song dân mà được thỏa lòng yêu ghét, chỉ là ở của dùng. Cho nên sau khi nói sự cùng người yêu ghét, sách tiếp nói ngay đến của dùng. Nói tóm lại, một sự của dùng mà công bình, tức là ở trong sự cùng yêu, cùng ghét vậy.

Trong sự hiệt-củ, có hai việc lớn, là: dụng hơn (dùng người) và lý tài (giữ của). Cho nên sau này chỉ là lời dạy thiết hành thuộc về hai việc lớn đó mà thôi.



Về việc dùng người thì sách Đại-Học nói rằng:

“Kinh Thơ (thiên Tân-thệ) có nói: nếu có một viên quan nào tánh chất phác, không tài năng nào khác hơn là tấm lòng trống không (vô dụng), dường như coi đức

tánh tốt của người như của mình. Khi thấy ai có tài năng thì mừng như thể mình có, thấy ai thông minh, giỏi-giǎn thì thiệt lòng mến thương họ, chẳng những ngoài miệng khen ngợi, mà trong mỗi cử chỉ đề tỏ ra nhận các đức-tánh của người như thiệt của mình, như thế mới có thể giữ gìn con cháu ta, dân đen ta, thì còn điều lợi ích nào lớn bằng ?

“Trái lại, nếu có một viên quan nào thấy ai có tài năng thì đem lòng ganh tị để ghét họ, thấy ai thông minh giỏi-giǎn thì đón đường ngăn ngỏ cho họ không đạt lên cao được, thiệt là không nhận cái đức tánh của người làm của mình, như thế thì không thể nào giữ gìn con cháu ta, dân đen ta, thì còn điều nguy hại nào lớn bằng ? Duy ông Vua có lòng nhân mới đui hạng người này đi xa, đày nó tuốt ra ngoài bốn rợ, chớ chẳng cho xen ở trên đất Trung quốc.

“Các lời dẫn trên có ý nói: chỉ có một ông Vua có lòng nhân mới biết yêu người, mới biết ghét người nhằm lẽ.

“ Biết người hiền mà chẳng hǎc lên được, hay là nhắc lên được mà để ở sau người ta, là có lỗi lười trễ. Biết kẻ chẳng lành mà chẳng lui nó được, lui nó mà chẳng đui xa hǎn được, là có lỗi dung dưỡng.

“Yêu cái chi của người ta ghét (điều ác), ghét cái chi của người ta yêu (điều thiện), thế là trái với bốn tánh của người (vì bốn tánh của người yêu thiện mà ghét ác), thì sự tai hại sẽ đến cho mình. Thế cho nên người quân tử có đạo lớn, phải ở trung tín ( tự mình nghĩ ra rồi làm cho hết lòng là trung, theo đúng lẽ vật mà không trái là tín), thì đặng cái đạo; kiêu thái thì mất cái đạo.

Tóm lại, dùng người thì phải lựa những người có lòng rộng rãi, đừng ghen hiền, ghét ngỏ; biết nhắc người hiền lên, lui xa kẻ chẳng lành; không yêu mến các điều trái ngược với tánh lành của con người, ăn ở trung tín, không lòng kiêu thái, mới là giữ được cái đạo.



Về việc giữ của sách Đại-Học nói rằng:

“Làm ra của có phương pháp lớn là: số người làm nhiều, số người làm ít; kẻ làm tiền vô mau, kẻ xài tiền ra chậm. Đặng vậy thì của thường có đủ dùng ngay.

“Người nhân lấy của làm cho phát thân (nghĩa là vun bồi nền đức hạnh của mình), kẻ bất-nhơn lấy thân làm cho phát của (liều thân mạng để làm ra tiền). Người trên thích điều nhân để yêu kẻ dưới, thì kẻ dưới thích điều nghĩa để trung với người trên. Vì thế cho nên việc làm tất nhiên được xong xuôi, mà tiền của ở trong kho không có sự lo sợ tìm đường trái lẽ mà đi ra vậy.”

Mạnh-Hiến tử nói: “Nhà nuôi cỗ ngựa (để đi xe tứ mã là quan si) chẳng xét biết đến gà lợn; nhà dùng nước đá để giữ lâu thịt tươi (quan khanh, đại phu) chẳng nuôi trâu dê; nhà trăm cỗ xe (chư hầu) chẳng nuôi kẻ tôi (quan lại) lấy thuế nặng. Ví bằng có kẻ tôi tom góp của dân như thế. Thế gọi là: Nước chẳng lấy lợi làm lợi, lấy nghĩa làm lợi.

Người trị nước mà cốt chăm của dùng, lỗi ấy về kẻ tiểu-nhơn (quan lại tham nhũng) khiến cho nước bị tai hại đến **dân**. Dẫu có người thiện cũng không làm thế nào cứu được nữa. Thế bảo rằng: Nước chẳng lấy lợi làm lợi, lấy nghĩa làm lợi.”

Đoạn này nói thiệt rõ: Nên lấy nghĩa làm lợi, chớ đừng lấy lợi làm lợi mà thành ra cái hại, và nhắc đi nhắc lại câu này để kết luận cách giữ của, có cái ý đing-ninh tha-thiệt.

Tóm lại, giữ của là phải làm nhiều việc, xài phí ít, thì mới có đủ dùng. Chớ chẳng phải xảo-gian bóc lột, để tom góp cho nhiều tiền của. Nếu người chẳng có lòng nhân, thì dầu đặng của vào nhiều, cái của ấy cũng không bền bỉ; người lớn chớ nên vụ sự lợi nhỏ. Cho nên nói rằng: Lấy nghĩa làm lợi.



## 2. Nói về thứ tự gốc ngọn (hậu bạc, trọng khinh)

Sau khi kể hết tám điều-mục rồi, đức Khổng-Tử muốn cho người học đạo chú ý vào thứ tự gốc ngọn của tám điều-mục ấy.

Ngài dạy rằng: "Tự thiên-tử dĩ chí ư thứ-nhơn, nhưt thị giai dĩ tu thân vi bản. Kỳ bốn loạn nhi mật trị giả, phú hi. Kỳ sở hậu giả bạc, nhi kỳ sở bạc giả hậu, vị chi hữu dã". Nghĩa là: Từ ngôi chúa cả trong thiên hạ cho tới hạng dân cùng đinh, ai ai cũng đều lấy sự sửa mình làm gốc. Cái gốc loạn (là nói thân không tu), mà cái ngọn (là nước và thiên hạ) đặng trị, không có lẽ như thế. Đối với chỗ hậu (chỉ cái nhà) mà ở bạc (không trị), còn đối với chỗ bạc (chỉ nước và thiên hạ), mà ở hậu (là trị, định yên), chưa từng có vậy bao giờ.

Trong tám điều-mục, sao lại chỉ lấy một sự tu thân làm gốc ? Bởi vì sự tu thân bao gồm hết các điều-mục khác.

Từ điều sửa mình trở lên, như là: ngay lòng, thiết ý, mở trí, xét vật, đều là công phu để tu thân cả. Bỏ sự tu thân ra mà nói đến các việc ấy, hỏi thử có ích về chỗ nào ? Cũng như học cho nhiều, nói cho hay, bình thường hay khoe mình thiết tình, ngay thẳng, mà đến khi có việc, hành động của mình bất chánh, trái hẳn với đạo lý mà không hay, thì không phải đáng thương xót lắm sao ?

Từ điều sửa mình (tu thân) trở xuống, như là: trị nhà, trị nước, định thiên hạ, thì có việc nào mà không lấy sự tu thân làm gốc ? Vì nhiều nước mới thành thiên hạ, chop nên gốc của thiên là nước; hiệp nhiều nhà mới thành nước, cho nên gốc của nước là nhà; hiệp nhiều người mới thành nhà, cho nên gốc của nhà là thân mình. Không có thân mình thì nhà, nước, thiên hạ đâu còn nữa, cũng như không có cây thì thế nào mà thành rừng được.

Vì cái gốc (chỉ cái thân) đã loạn, trong nhà đã không hiếu với cha mẹ, thuận với anh em, thì chỗ hậu (chỉ cái nhà) có phải trước đã bạc rồi không? Còn chỗ gọi bạc, như nước, thiên hạ, rốt lại thấy kính đến người già cả của kẻ khác, thương mến đứa trẻ con của người khác, thì thành chỗ bạc trở lại hậu, có vậy được hay không ? Cái ngọn: không được yên trị như thế, rõ ràng là cái gốc chẳng nên để vụn loạn. Có thể nói: thân chẳng cần tu được không?



## V. KẾT LUẬN.



Người học đạo muốn khỏi lầm đường lạc ngõ, thì cần phải biết cương-lãnh và điều-mục của đạo.

Cương-lãnh là mục đích, là tiêu-chuẩn (là cây nêu dẫn đường). Còn điều-mục là phương-pháp, là hành động (là công phu thiết hành). Cương-lãnh có gốc, có ngọn, thì điều-mục cũng có gốc, có ngọn. Khá chú vào chỗ gốc, thì mới không xa đạo.

Theo đạo Đại-Học, có ba cương-lãnh và tám điều-mục, phải biết mỗi cương, mỗi điều cho thiết rành rẽ, thì gọi là duy tinh. Cương này lại dính với cương kia, điều này lại dính với điều khác, phải phân biệt gốc ngọn, mà qui về căn-bổn, thì gọi là duy nhứt.

Cho nên sách Đại-Học trước kể từng chương, từng điều, rồi sau chỉ gốc ngọn, là muốn cho người học phải vừa duy tinh, vừa duy nhứt, mới là đạt tới mục-đích của đạo Đại-Học.



Đức Khổng-Tử chủ trương cái thuyết chánh danh. Chánh danh nghĩa là phạm dưng mỗi tên chữ (danh từ), thì phải xét thấu đến nghĩa chơn-chính của nó.

Như nói: "Quân quân, thần thần, phụ phụ, tử tử", nghĩa là: Vua phải đạo vua, tôi phải đạo tôi, cha phải đạo cha, con phải đạo con, là muốn cho các giai cấp trong gia-đình, xã-hội, quốc gia, mỗi mỗi đều có quan hệ cùng nhau, thì khi ăn ở với nhau phải "cố danh tứ nghĩa", suy luận làm sao cho đạt tới chỗ tiêu chuẩn của lý-tưởng.

Chỗ tiêu-chuẩn cứu cánh, theo sách Đại-Học, gọi là "chỉ ư chí thiện". bài giảng này tức là chỗ phía trước có chỉ rõ: "Làm Vua thì chăm vào ở chỗ nhân, làm tôi thì chăm vào ở chỗ kính, làm con thì chăm vào ở chỗ hiếu, làm cha mẹ thì chăm vào ở chỗ từ, cùng người trong nước giao tiếp thì chăm vào ở chỗ tín."

Làm như thế gọi là tận nhơn-đạo. Cho nên cũng có thể nói một cách khác:

- Làm vua cần phải trọn đạo vua, cứ nghĩa chữ vua mà làm.
- Làm tôi cần phải trọn đạo tôi, cứ nghĩa chữ tôi mà làm.
- Làm con cần phải trọn đạo con, cứ nghĩa chữ con mà làm.
- Làm cha cần phải trọn đạo cha, cứ nghĩa chữ cha mà làm.
- Làm dân trong nước cần phải trọn đạo dân trong nước, cứ nghĩa chữ dân cùng một nước mà làm.

Trong sách Luận-ngữ, Vua Tề-cảnh-Công hỏi đức Khổng tử về việc chánh trị.

Ngài trả lời: Quân quân, thần thần, phụ phụ, tử tử.

Cảnh-Công khen rằng: Hay thiết ! Hay thiết ! Giá như: Vua chẳng phải vua, tôi chẳng phải tôi, cha chẳng phải cha, con chẳng phải con, thì tuy có thóc đó, mà thử hỏi ta có ăn được chăng ?



Người học sách Đại-Học chẳng khá không suy nghĩ đến thứ tự dạy trong sách Đại-Học là thứ tự thuộc về học-tập. Còn khi thành tài rồi, người ta tiếp xúc với đời, thì thứ tự về mặt ứng dụng lại khác.

Theo lời Thánh Hiền xưa nói, đó là cái học vị-kỷ, nghĩa là ta cần phải lo cho mình sáng, mình đặng sửa trước. Chớ mình không nên gì, thì mong giúp đỡ cho ai được nữa ?

Nhưng đến khi đem tài mình ra mà ứng dụng với đời, ta phải lo trước cho nhóm người đông hơn hết, nghĩa là lo cho thiên hạ (humanité), kể quốc gia (patrie), rồi gia-đình (famille); v.v... Vì ta càng lo rộng chừng nào, thì càng thấy nhiều lợi chừng ấy.

Chớ lầm tưởng sách Đại-Học nói lấy thân mình làm gốc, rồi cứ bo bo lo cho một mình hưởng mà thôi. Trái lại, về mặt ứng dụng, ta chẳng những phải lo cho phần đông, mà khi gặp cảnh bắt buộc, ta cũng phải quên thân mình, quên gia đình luôn nữa là khác. Cái phẩm-cách cao thượng của con người là ở tại chỗ đó.



Nhưng việc có nhiều loại. Đại khái, có việc thuộc về vật chất, có việc thuộc về tinh thần. Khi ta gặp hai việc khác nhau đối đầu, thì ta phải chọn bên nào ?

Theo lẽ chánh đáng xưa nay, người ta trọng phần tinh thần hơn. Tỉ như người ta trọng đức-hạnh hơn tài nghệ (nên mới có câu: Đức thắng tài), trọng tài nghệ hơn của cải (vì của cải là vật ở ngoài thân, lại không bền bì).

Lúc bình thường, ta nên đem lời giải sách Đại-Học nói trước của hai Ông họ Châu và họ Vương; một nghĩa chủ về đạo học-vấn, một nghĩa chủ về tôn đức-tánh, mà xét rõ chỗ cao thấp, trọng khinh. Rồi khi ứng dụng, ta mới dễ chọn chỗ lành nhiều hơn (excellence du bien) mà thi thố.



Tóm lại, mấy lời dạy của đức Khổng-Tử ở chương đầu sách Đại-Học (gọi là Chương Kinh) mà tôi đã dẫn giải trước kia, là tâm-pháp của Nho-giáo chủ về đạo làm người (nhơn-đạo). Ngoài ra, mấy chương khác (gọi là chương truyện) phụ thuộc ở sau, chỉ để giải rõ nghĩa của chương Kinh nói trước đó mà thôi.

Một nền giáo lý đặng sùng bái nhiều đời là nhờ có những tông chỉ chơn chánh, thứ tự rành rẻ như thế. Vậy ai là người thiết lòng học đạo phải hết lòng chú ý vào sách Đại-Học cho lắm, rồi sau còn phải học sách Trung-Dụng, chủ về đạo thờ Trời (Thiên-đạo), mới mong đạt tới mục-đích cứu-cánh của đạo Nho, là nền Trung-đạo. Vì Trung-đạo là đạo "Nhứt quán" của Khổng-môn, gồm luôn và thông suốt cả nhơn-đạo và thiên-đạo.

HẾT

